TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 182/2023/DS-PT
Ngày: 20 - 6 – 2023
V/v hợp đồng góp hụi và bảo lãnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung.

Bà Đinh Cẩm Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và bảo lãnh"*, giữa:

***- Nguyên đơn*:** Bà Hồ Kim P – sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

***- Bị đơn*:** Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1982;

Ông Trần Thanh P1 – sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Thanh P2 – sinh năm 1997; Địa chỉ: Số C, đường T, Phường A, Quận N, Thành phố Cần Thơ (có mặt).

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:**

1. Bà Phù Kim Y – sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Bà Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Thanh P1 và bà Nguyễn Thị Đ.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28.06.2022 và lời trình bày của nguyên đơn tại hồ sơ thể hiện như sau:

Vào ngày 28.01.2017 bà P mở dây hụi mùa, mỗi chưng là 5.000.000 đồng, dây hụi có 15 chưng, 3 tháng khui 1 lần, bà Đ tham gia 3 chưng. Trong đó bà Đ bảo lãnh cho bà Y 2 chưng. Bà Đ đã hốt xong và bà P chung hụi đầy đủ cho bà Đ. Chưng thứ nhất bà Đ bỏ hụi hốt và chung hụi ngày 13.5.2017 (do bà Đ và bà Y ký tên nhận tiền); chưng thứ hai do bà Đ bỏ hụi và bà Đào h hụi, bà P chung hụi ngày 13.10.2017 (có chữ ký của bà Đ và bà Y); chưng hụi thứ 3 ba, bà Đ bỏ hụi hốt chung tiền vào ngày 12.01.2019 có chữ ký của bà Đ (chưng này của bà Đ). Khi gom hụi bà P gom từ bà Đ chứ không gom của bà Y. Dây hụi này đã mãn, Quá trình bà Đ bảo lãnh cho bà Y đóng hụi chết còn thiếu bà P 7 lần x 2 chưng x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng. Nay bà P yêu cầu bà Đ có trách nhiệm trả cho bà P là 70.000.000 đồng. (Trong danh sách hụi ghi tên Yến P3) do bà Đ kêu ghi như vậy để bà Y có trách nhiệm đóng hụi.

Ngoài ra bà Đ còn tham gia chơi chưng hụi vào ngày 30.8.2016 âm lịch, bà P mở dây hụi mùa, mỗi chưng là 5.000.000 đồng, dây hụi có 12 chưng, một năm khui 2 lần, bà Đ tham gia 2 chưng, đã hốt 1 chưng chung đủ, còn lại chưng do bà Đào l cho bà Y, nên bà P không chung cho bà Đ là 47.500.000 đồng. Nay bà P đồng ý đối trừ phần còn lại yêu cầu bà Đ và ông P3 trả cho bà P số tiền là 22.500.000 đồng, bà P không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bị đơn do bị đơn có vi phạm trong việc bảo lãnh.

Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày:

Vào ngày 28.01.2017 bà P mở dây hụi mùa, mỗi chưng là 5.000.000 đồng, dây hụi có 15 chưng, 3 tháng khui 1 lần, bà Đ tham gia 1 chưng. Không có việc chơi dùm bà Y, không bảo lãnh cho bà Y và không giới thiệu cho bà Y tham gia chơi. Biên nhận nhận tiền của bà Y có chữ ký và chữ viết của bà Đ là ký với nội dung chứng kiến việc nhận tiền không phải ký bảo lãnh. Nay không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả 70.000.000 đồng.

Ngoài ra bị đơn có đơn yêu cầu phản tố: Bà Đ còn tham gia chơi chưng hụi vào ngày 30.8.2016 âm lịch bà P mở dây hụi mùa, mỗi chưng là 5.000.000 đồng, dây hụi có 12 chưng, một năm khui 2 lần, bà Đ tham gia 2 chưng, đã hốt 1 chưng chung đủ, còn 1 chưng bà P chưa chung, nên bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả số tiền là 47.500.000 đồng (đã trừ tiền cò xong) và yêu cầu tính lãi đến ngày 21.02.2022 đến ngày 11.6.2022 âm lịch lãi tính 1,66%/ tháng = 3.562.000 đồng.

Lời trình bày của bà Nguyễn Thị Đ tại biên bản làm việc ngày 13.7.2022: Bà

Đ xác định không có việc bảo lãnh cho bà Y, nhưng tại biên nhận ngày 13.10.2017 khi bà P chung hụi cho bà Y thì tôi có ký vào biên nhận tiền hụi, nội dung ký là xác nhận bà P có chung tiền hụi cho bà Y, không có ký bảo lãnh. Đối với biên nhận ngày 13.5.2017 bà không ký và củng không chứng kiến.

Ngoài ra vào ngày 30.8.2016 âm lịch bà P mở dây hụi mùa, mỗi chưng là 5.000.000 đồng, dây hụi có 12 chưng, một năm khui 2 lần, tôi tham gia 2 chưng, đã hốt 1 chưngbà P chung đủ, còn 1 chưng bà P chưa chung, nên tôi yêu cầu nguyên đơn trả số tiền là 47.500.000 đồng (đã trừ tiền cò xong) và yêu cầu tính lãi đến ngày 21.02.2022 đến ngày 11.6.2022 âm lịch lãi tính 1,66%/ tháng = 3.562.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Phù Kim Y trình bày: Vào ngày 28.01.2017 bà P mở dây hụi mùa, mỗi chưng là 5.000.000 đồng, dây hụi có 15 chưng, 3 tháng khui 1 lần, bà Y tham gia 2 chưng, hốt 1 chưng đầu bà P chung hụi vào ngày 13.5.2017, còn lại 1 chưng đến tháng 10.2017 tôi bỏ hụi hốt, lúc này bà P thấy tôi làm ăn bị sa sút nên khi giao hụi có kêu bà Đ chứng kiến và ký vào biên nhận giao tiền hụi ngày 13.10.2017 chứ bà Đ không bảo lãnh cho tôi. Nay tôi còn thiếu lại 2 chưng hụi của chị P là 7 lần là 70.000.000 đồng, do làm ăn thất bại tôi xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho chị P.

Tại phiên tòa nguyên đơn xác định bị đơn là người bảo lãnh cho bà Y, từ ngày hốt hụi bà Y đã bỏ địa phương đi nơi khác, không rỏ địa chỉ, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền trên.

Bị đơn không thừa nhận và không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và đồng thời có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền hụi là 47.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 21.02.2022 đến ngày 11.6.2022 âm lịch lãi tính 1,66%/ tháng = 3.562.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào các điều: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, BLTTDS, áp dụng Điều 335, Điều 339 Điều 471 và Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 17, Điều 18, Điều 24 Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Kim P.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả tiền hụi là 47.500.000 đồng; Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bị đơn là 3.562.000 đồng.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Thanh P1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Hồ Kim P số tiền là 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 11/01/2023 bị đơn Nguyễn Thị Đ và Trần Thanh P1 kháng cáo, yêu cầu Tòa phúc thẩm buộc bà Hồ Kim P thanh toán tiền hụi 47.500.000 đồng và tính lãi với lãi suất 20%/năm, từ ngày 21/02/2022 âm lịch đến ngày 11/6/2022 âm lịch, số tiền 3.562.000 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh P1 và bà Nguyễn Thị Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo với các lý do: Bà Đ với bà Y không bà con thân thích nên không phải bảo lãnh; biên nhận ngày 13/10/2017 AL bà Đ có ký nhưng do bà Đ không đọc nội dung, nên nghĩ là ký chứng kiến nhận tiền, hơn nữa hợp đồng bảo lãnh như biên nhận vậy là không đúng về hình thức, hợp đồng bảo lãnh chưa phát sinh hiệu lực do bà Y vẫn còn ở địa phương, bà Y có khả năng trả nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn qui định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo qui định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Thanh P1 và bà Nguyễn Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù bà Đ, ông P1 và bà Y không thừa nhận bà Đ và ông P1 bảo lãnh hụi cho bà Y nhưng tại biên nhận bà P4 chung tiền hốt hụi cho bà Y, vào ngày 13/10/2017 âm lịch có thể hiện nội dung "Đào Phong bảo lãnh cho Y đi khỏi chổ ở thì hoàn hết số tiền hụi chết cho bà Hồ Kim P (bút lục 03). Ngoài ra, các hụi viên tham gia chơi hụi chung dây hụi với bà Đ và bà Y là bà Nguyễn Thanh T2, bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Thị T3, Đinh Thị P5, bà Đoàn Thị Hải Y1, ông Thái Văn B, ông Lê Thanh Y2, ông Trần Văn T4, ông Lê Vũ H, ông Trần Bất T5 đều xác định bà Y1 có tham gia 02 chưng hụi 5.000.000 đồng trong dây hụi mùa khui ngày 28/02/2017 âm lịch do bà P làm đầu thảo, bà Đ bảo lãnh cho bà Y1 tham gia, bà Y1 đã hốt hụi rồi bỏ địa phương đi không đóng hụi chết cho bà P. Hơn nữa, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời có đến Trụ sở ấp A, xã T, huyện T để làm việc với ông Trần Văn T4 là Tổ trưởng Tổ hòa giải ấp A và ông Lê Thanh Y2 là Tổ phó

Tổ hòa giải ấp A, xã T, huyện T. Cả hai ông T4 và ông Y2 đều xác định vụ việc tranh chấp hụi giữa bà Hồ Kim P với bà Nguyễn Thị Đ được địa phương đưa ra hòa giải tại biên bản hòa giải tranh chấp hợp đồng bảo lãnh lập ngày 08/9/2021, bà Đ đã ký tên đứng ra bảo lãnh hụi (các bút lục từ 74 đến 91).

Từ những chứng cứ nêu trên, xác định việc bà Đ bảo lãnh cho bà Y1 tham gia chơi hụi, hốt hụi do bà P làm đầu thảo, bà Y1 hốt hụi xong bỏ địa phương đi không đóng hụi chết cho bà p là có thực. Vì vậy, bà P6 yêu cầu bà Đ và ông P1 trả tiền nợ hụi của bà Y1 còn nợ là 70.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Đ, ông P1 yêu cầu bà P trả tiền hụi 47.500.000 đồng và lãi 3.562.000 đồng, tổng cộng là 51.062.000 đồng. Nhận thấy bà Đ, ông P1, bà P xác định bà Đ có tham gia 01 chưng hụi 5.000.000 đồng trong dây hụi mở ngày 30/8/2016 âm lịch do bà phượng làm đầu thảo, hụi đã mãn, lẽ ra bà Đ hốt được số tiền 47.500.000 đồng nhưng vì bà Đ và ông P1 không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh cho bà Y1 là đóng tiền hụi chết thay cho bà Y1 nên bà phượng phải choàng hụi cho bà Y1 để thực hiện nghĩa vụ với các hụi viên khác nên đã giữ lại tiền hụi của bà Đ là 47.500.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xác định bà Đ cũng có lỗi trong việc không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà P nên chỉ chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố về số tiền hụi 47.500.000 đồng, không chấp nhận lãi 3.562.000 đồng là có căn cứ.

Đối trừ việc bà P còn nợ lại vợ chồng bà Đ và ông P1 01 chưng hụi sống của dây hụi ngày 30/8/2016 âm lịch, với số tiền hốt được là 47.500.000 đồng, với số tiền bà Đ, ông P1 phải trả thay cho bà Y1 70.000.000 đồng, nên số tiền bà Đ, ông P1 còn phải trả cho bà P là 22.500.000 đồng.

Nếu bà Đ, ông P1 không thỏa thuận được với bà Y1 về việc hoàn trả tiền hụi đã trả thay, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác (nếu có yêu cầu).

[3] Từ căn cứ và phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Đ và ông P1, giữ y Bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Lời trình bày của người đại diện bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khác với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ và ông P1 phải nộp 1.303.100 đồng, làm tròn số là 1.303.000 đồng. Bà P không phải nộp.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đ, ông P1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Thanh P1.

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Kim P.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả tiền hụi là 47.500.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bị đơn là 3.562.000 đồng.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Thanh P1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Hồ Kim P số tiền là 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả số tiền nói trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Thanh P1 phải nộp 1.303.000 đồng, đã dự nộp án phí 1.277.000 đồng (theo biên lai số 0005123 ngày 13.7.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn thời), được đối trừ, phần còn thiếu phải nộp tiếp.

Nguyên đơn bà Hồ Kim P không phải nộp, đã dự nộp án phí 563.000 đồng (theo biên lai thu số 0005042 ngày 28/06/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời), được hoàn lại toàn bộ.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Thanh P1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng. Ngày 07/02/2023 ông bà đã dự nộp (theo các biên lai số 0006129 và 0006130, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời), được chuyển thu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;*
- *Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT (TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Cao Khánh